TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/DS - ST
Ngày: 14/12/2018
"V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trung Kiên**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Ngô Thị Luân**

2. Bà **Thạch Thị Lan Nhung**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phan Khắc Duy** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Đào** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp kiện đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST-DS ngày 27/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn L. Sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Xóm T, thôn H, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn M. Sinh năm: 1955.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người làm chứng: Anh Rơ Ông Ha M. Sinh năm: 1995. Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa:ông L có mặt; ông M, anh Rơ ông Ha M vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản đối chất và hòa giải nguyên đơn Ông Phạm Văn L trình bày: Năm 2017, ông có cân gửi tại nhà Ông Trần Văn M số cà phê nhân loại cà phê Robusta, cụ thể như sau: Ngày 13/10/2017 gửi 2.794,5 kg; Ngày 02/11/2017, gửi 2.128,3kg; Ngày 28/12/2017 gửi 1989,7kg, tổng 03 lần gửi là 6.912,5kg. Ông M trừ bao và độ ẩm 96,5kg, còn lại 6.816kg cà phê nhân khô. Sau đó ông có cắt giá bán cho ông M 02 lần cụ thể như sau:

Lần đầu là 1500kg x 36.300đ/kg = 54.450.000đ, ông đã nhận tiền đủ; lần 02 cắt bán 4000kg x 36.900đ/kg = 147.600.000đ, ông và ông M đã cấn trừ vào những lần ông ứng trước, còn lại là đưa tiền mặt đủ. Số cà phê còn lại là 1.316kg hiện ông M đang còn giữ của ông. Nay, ông yêu cầu ông M trả lại cho ông 1.316kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ ẩm mà ông M còn giữ của ông, nếu không ông yêu cầu ông M thanh toán cho ông 1.316kg cà phê quy thành tiền theo giá thị trường tại thời điểm Tòa án xét xử. Việc cân gửi cà phê và cắt giá giữa ông và ông M được ông M ghi vào sổ của ông M chứ các bên không viết giấy tờ và ký giấy gì với nhau. Đối với số nợ phân bón thì ông có nợ ông M 02 tấn NPK là 14 triệu đồng, còn 1 tấn SA thì ông có mua nhưng đã trả tiền, hiện nay ông còn nợ ông M 14 triệu đồng tiền phân, ông đồng ý cấn trừ vào số tiền cà phê mà ông M phải trả cho ông, ông không đồng ý trả lãi tiền phân. Ngoài ra, ông không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông M trình bày: Việc ông L khai có cân gửi cho ông 03 lần với tổng số cà phê nhân khô loại Robusta là 6.816kg cà phê nhân khô loại cà phê robusta là đúng. Cụ thể như sau: Ngày 13/10/2017 gửi 2.794,5 kg; Ngày 02/11/2017, gửi 2.128,3kg; Ngày 28/12/2017 gửi 1989,7kg, tổng 03 lần gửi là 6.912,5 kg. Ông trừ bao và độ ẩm 96,5kg, còn lại 6.816kg cà phê nhân khô. Sau đó ông L đã cắt bán cho ông 02 lần với tổng số 5.500kg cà phê nhân trong số 6.816kg đã gửi, cụ thể: Lần đầu là 1500kg x 36.300đ/kg = 54.450.000đ, ông L đã nhận tiền đủ; lần 02 cắt bán 4000kg x 36.900đ/kg = 147.600.000đ, ông và ông L đã cấn trừ vào những lần ông L ứng trước, còn lại là đưa tiền mặt đủ. Sau hai lần cắt bán thì số cà phê còn lại là 1.316kg, tuy nhiên trong số cà phê này thì dùng để cấn trừ vào số cà phê 650kg cà phê nhân loại Robusta mà ông L đã chốt bán cho ông trước đó nhưng chưa đưa cà phê, cụ thể: Ngày 07/9/2017 âm lịch bán 350kg; Ngày 07/11/2017, dương lịch bán 300kg, tổng cộng là 650kg. Hiện nay ông chỉ còn giữ của ông L là 666kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ ẩm chưa thanh toán. Qua yêu cầu khởi kiện của ông L thì ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý trả cho ông L số cà phê ông còn giữ của ông L là 666kg cà phê nhân khô loại cà phê Robusta. Tuy nhiên, ông L còn nợ ông 2000kg phân bón NPK loại mùa khô x 7.000đ/kg, thành tiền là 14.000.000đ, tiền lời là 1.810.000đ và 1000kg phân bón SA x 4.600đ/kg, thành tiền là 4.600.000đ, tiền lãi 1.410.000đ. Tổng cộng ông L còn nợ lại ông tiền phân bón là 21.820.000đ nên ông đề nghị quy số cà phê 666kg ra thành tiền theo giá tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án rồi khấu trừ vào số tiền ông L còn nợ ông là 21.820.000đ, còn thiếu lại bao nhiêu ông sẽ thanh toán trả hết cho ông L. Nếu còn dư ông không yêu cầu ông L thanh toán lại. Ngoài ra ông M không có yêu cầu nào khác.

Tòa án đã hòa giải nhưng các bên không thống nhất được với nhau về các vấn đề tranh chấp trong vụ án.

Tại phiên tòa:

Ông L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời khai của mình.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, của Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 430, 434, 440 Bộ luật

Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc ông M phải trả cho ông L số tiền là 28.375.000đ. Ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn Ông Trần Văn M và người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên cần căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người làm chứng.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Xuất phát từ việc ông L cho rằng ông có gửi cà phê nhân khô Robusta tại nhà ông M với mục đích là khi nào cần sẽ cắt giá bán cho ông M. Tổng số cà phê nhân khô loại cà phê robusta 03 lần ông cân gửi tại nhà ông M là 6.816kg (đã trừ bao và độ ẩm). Sau khi cân gửi thì ông đã cắt giá bán cho ông M 02 lần. Sau 02 lần cắt bán thì số cà phê ông gửi tại nhà ông M còn lại là 1.316kg cà phê nhân robusta, ông đã yêu cầu ông M thanh toán trả lại cho ông số cà phê trên nhưng ông M không trả. Còn ông M cho rằng trong số cà phê còn lại là 1.316kg thì đã trừ vào số cà phê 650kg mà ông L đã chốt giá bán với ông và đã nhận tiền nhưng chưa đưa cà phê, chỉ còn lại 666kg nên các bên phát sinh tranh chấp. Ông L khởi kiện yêu cầu ông M trả cho ông số cà phê 1.316kg quy ra thành tiền tại thời điểm Tòa án xét xử, đồng thời ông L đồng ý cấn trừ vào số tiền 14.000.000đ mà ông còn nợ tiền mua phân bón của ông M nên cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản"*. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của đương sự*:

Qua xem xét lời khai của các đương sự, đối chiếu với chứng cứ tài liệu do các đương sự xuất trình, thấy rằng:

Ông L có gửi cà phê loại cà phê nhân khô robusta tại nhà ông M, cụ thể các lần gửi như sau: Ngày 13/10/2017 gửi 2.794,5 kg; Ngày 02/11/2017, gửi 2.128,3kg; Ngày 28/12/2017 gửi 1989,7kg, tổng 03 lần gửi là 6.912,5kg. Ông M trừ bao và độ ẩm 96,5kg, còn lại 6.816kg cà phê nhân khô. Việc cân gửi số cà phê trên cả hai bên đều thừa nhận nên cần xác định việc ông L cân gửi cà phê tại nhà ông M với số lượng sau khi trừ bao và độ ẩm còn lại 6.816kg cà phê nhân khô, loại cà phê Robusta là có.

Đối với việc thanh toán số cà phê cân gửi: Các bên đều thừa nhận ông L đã cắt bán cho ông M 02 lần với tổng số 5.500kg cà phê nhân trong số 6.816kg cân gửi, cụ thể: Lần đầu là 1500kg x 36.300đ/kg = 54.450.000đ, ông L đã nhận tiền đủ; lần 02 cắt bán 4000kg x 36.900đ/kg = 147.600.000đ, ông và ông L đã cấn

trừ vào những lần ông L ứng trước, còn lại là đưa tiền mặt đủ. Do đó cần xác định số cà phê cân gửi sau 02 lần cắt bán còn lại là 1.316kg.

Đối với việc thanh toán số cà phê cân gửi còn lại là 1.316kg: Ông L cho rằng ông M hiện chưa trả cho ông, còn ông M cho rằng số cà phê này là cấn trừ vào số cà phê 650kg nhân loại Robusta mà ông L đã bán cho ông trước đó đã nhận tiền nhưng chưa cân trả cà phê, cụ thể: Ngày 07/9/2017 (âm lịch) bán 350kg; Ngày 07/11/2017 (dương lịch) bán 300kg. Hiện nay ông chỉ còn giữ của ông L là 666kg cà phê nhân khô loại Robusta đủ độ ẩm chưa thanh toán. Qua xem xét, thấy rằng: Việc ông L và ông M cân gửi cà phê và chốt giá bán cà phê với nhau chỉ thỏa thuận miệng và được ghi vào sổ của ông M và ông M giữ sổ này, trong đó chỉ ghi ngày tháng năm và số lượng cà phê, đơn giá chứ các bên không ký xác nhận. Sổ ghi này do ông M giữ. Theo ông M thì ông L còn nợ ông 650kg cà phê chưa thanh toán. Tại biên bản đối chất ngày 25/9/2018, ông L thừa nhận ông có chốt giá bán cho ông M 650kg như ông M trình bày, nhưng ngày 15/9/2017 (âm lịch) ông có cân cho ông M 841,5kg cà phê, trừ bao và độ ẩm còn 822,5kg. Số cà phê này là để trừ vào số cà phê ông chốt giá bán với ông M là 650kg, còn lại 172,5kg thì ông đã nhận đủ tiền, không liên quan gì đến số cà phê 1.316kg mà ông M đang còn giữ của ông. Ông M cho rằng có việc ông cân của ông L 822,5kg cà phê như ông L khai, nhưng số cà phê này ông M khai là ông L đã lấy tiền hết chứ không phải trừ vào số cà phê 650kg như ông L trình bày, tuy nhiên ông M lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông L đã nhận đủ tiền của số cà phê 822,5kg, còn ông L không thừa nhận mà ông L xác định là dùng để cấn trừ vào số cà phê 650kg ông đã chốt bán cho ông M trước đó, số còn lại ông đã nhận tiền mặt đủ. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận lời khai của ông M về việc ông L đã nhận đủ tiền khi cân cho ông M số cà phê 822,5kg, mà cần chấp nhận lời khai của ông L về việc cân 822,5kg cà phê là để cấn trừ vào số cà phê ông L đã chốt giá bán cho ông M trước đó là 650kg. Do đó, cần xác định ông M còn giữ của ông L 1.316kg cà phê nhân khô loại robusta chưa thanh toán như ông L khai. Nay ông L yêu cầu ông M trả lại số cà phê trên theo giá thời điểm hiện nay cho ông là phù hợp nên chấp nhận. Qua khảo sát giá thị trường cà phê nhân khô tại thị trường tỉnh Lâm Đồng ngày 14/12/2018 thì giá cà phê nhân khô loại cà phê robusta là 32.200đ/kg, ông L thống nhất với mức giá này nên cần quy đổi 1.316kg cà phê nhân khô robusta thành tiền là 1.316kg x 32.200đ = 42.375.200đ.

Đối với việc ông M cho rằng ông L còn nợ ông 14.000.000đ tiền 02 tấn phân NPK và 1.000kg phân SA, và số tiền lãi suất, ông M yêu cầu cấn trừ vào số cà phê ông L còn nợ ông, tuy nhiên ông M chỉ thừa nhận có nợ 14.000.000đ tiền 02 tấn phân NPK, ngoài ra ông L không thừa nhận còn nợ khoản tiền phân bón nào khác. Tòa án đã giải thích về thủ tục yêu cầu phản tố của bị đơn cho ông M nhưng ông M không làm đơn yêu cầu phản tố nên Tòa án không có cơ sở để xem xét yêu cầu của ông M về việc yêu cầu ông L thanh toán khoản tiền phân bón, tiền lãi trong vụ án này mà cần tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi ông M có yêu cầu khởi kiện nhưng do ông L tự nguyện cấn trừ số tiền ông còn nợ tiền phân bón của ông M là 14.000.000đ vào khoản tiền cà phê ông M phải trả ông L, đây là sự tự nguyện của đương sự phù hợp với quy định của pháp luật

nên cần ghi nhận. Do đó, số tiền cần buộc ông M phải trả cho ông L là 42.375.200đ – 14.000.000đ = 28.375.200đ (làm tròn là 28.375.000đ).

[4] *Về án phí:*

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L nên ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Trần Văn M là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Trần Văn M.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 430; Điều 434; Điều 440 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Phạm Văn L. Buộc Ông Trần Văn M phải trả cho Ông Phạm Văn L số tiền 28.375.000đ (Hai mươi tám triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khi án đã có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. *Về án phí*:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Ông Trần Văn M.

Hoàn trả cho Ông Phạm Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.242.000đ (Một triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000453 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

3. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/12/2018); Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT – TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Kiên